

Số: 0380/2024/QĐST-VHNGĐ

B, ngày 14 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0162/2024TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn K, sinh năm 1961
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: 62/16 Đ, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại Tòa án, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông K và Bà T có 03 người con chung: Nguyễn Thị Xuân H, sinh ngày 20/01/1981; Nguyễn Khắc H, sinh ngày 13/11/1982; Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/11/1998. Cả ba người con đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung không có nên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy công nhận kết hôn số 033 quyền số 01 ngày 08/4/1980 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh N cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Ông K và Bà T có 03 người con chung: Nguyễn Thị Xuân H, sinh ngày 20/01/1981; Nguyễn Khắc H, sinh ngày 13/11/1982; Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/11/1998. Cả ba người con đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung không có nên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị T chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0029415 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K và Bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh N;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kiều Trang